

NĂM THỨ NĂM

Số 119. ĐUỐC-TUỆ

1^{er} Novembre 1939

PHẬT GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán-Sứ N 73 Richaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng-Quê
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-định-Bính

Chánh chủ-bút Phan-chung-Thử
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ-bút : Dương-văn-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cái

GIA BAO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

MỤC LỤC

	Số trang
Một ý-kiến muốn trình bày cùng Hội Phật giáo Trung-ương Bắc-kỳ	3-5
Việt-nam Thiên-tông thế-hệ (tiếp theo)	5-8
Phật tử Tâm dăng (tiếp theo)	9-10
Truy môn cảnh huấn	10-13
Văn Uyển	13-15
Giải đáp bức thư hỏi đạo	15-21
Trộm cướp thành Phật	21-22
Khóa-hu giảng-yếu (tiếp theo)	22-26
Bát-nhã tam kinh lược giải (tiếp theo)	27-31
Cô con gái Phật hai đầu (tiếp theo)	31-34
Lời cáo cầu cấp của Đuốc-Tuệ	35
Thời sự	36-38

KINH SÁCH ĐÃ IN

Kính Địa Tạng đồng thường	0\$80
đóng kỹ 1.00 gáy da mạ vàng	1.80
Kính Kim cương đồng thường	0.50
đóng kỹ 0.70 gáy da mạ vàng	1.30
Kính Ngũ bách danh đồng thường	0.40
đóng kỹ 0.60 gáy da mạ vàng	0.90
Kính Phổ môn đồng thường 0.20, đóng kỹ	0.40
Kính Thủy xám đồng thường	1.80
đóng kỹ 2 10 gáy da mạ vàng	2.50
	(mời ra tập 1.) Giá 0.80

xem tiếp trang 3

Một ý-kiến muôn trình bày cùng
Hội Phật-giáo Trung-wang Bắc-kỳ

« Hai chữ **Chấn-Hưng** là tôn-chỉ của Hội Phật-giáo chúng tôi. Đó là một câu trích ở trong bài diễn-thuyết của cụ Phó bảng Nông-sơn.

Chấn hưng có nhiều nghĩa : Chấn-hưng hình-thức, Chấn-hưng tinh-thần v. v.

Về phương-diện hình-thức, Hội Phật-giáo ta đã làm, nào là đặt ra huy-hiệu, nào là sắm phan, phướn, cờ cùng một kiểu để phát cho các chi-hội các nơi, nào là trụ làm hội-quán, khánh thành các chi-hội, ta cũng có thể tạm gọi là đủ trong thời kỳ mới thành-lập của hội ta này.

Về phương - diện tinh-thần thì nào là xuất bản báo Đuốc-Tuệ, ấn-hành các kinh sách, nào là mở các cuộc diễn-thuyết và thuyết-pháp tại các chùa, nào là đặt ban Khảo-cứu Phật-giáo, nào là mở trường-học để dạy các sư và các thiện-nam tín-nữ...

Song còn một việc nữa, gồm đủ hình-thức và tinh-thần, rất cần cho sự tuyên-truyền của một tôn-giáo, mà hội ta chưa nói đến ;

Sự cần yếu nhất để Chấn-hưng một tôn-giáo là chiêu-tập thêm tín-đồ và đón-đốc cho lòng tín-ngưỡng của tín-đồ ngày một mạnh mẽ và vững bền.

Đã đành rằng mỗi khi thành lập một chi-hội là ta đã hô-hào được bao nhiêu thiện-tín hội-viên ; nhưng xét kỹ mới biết : ta chỉ mới ghi tên họ vào sổ hội-viên, chứ lòng tín-ngưỡng của họ đối với Phật-giáo vẫn hững-hờ như cũ, chẳng tăng thêm được chút nào cả.

Những ngày lễ khánh-thành các chi-hội hay những buổi diễn-thuyết tại các chùa trong những ngày tuần rằm, đồng-nhân kéo nhau ra chùa hội-quán thật là đông đúc tấp-nập. Thật là một điều đáng mừng cho hội Phật-giáo ta lắm thay ! Nhưng có một điều đáng phàn-nàn và nên mau mau sửa đổi là rất ít người lễ Phật và cầu kinh. Trừ chư tăng-ni cùng chư-già, không ai hề lễ Phật cả. Ở hội-quán ban Trung-ương còn khá, chứ ở các nơi thì thực là « một phiên chợ đêm họp tại chùa ».

Các hội-viên trong các ban trị-sự, diễn-giảng, khổ cứu cùng các thiện-nam tín-nữ ra chùa cho dù mặt chữ không hề tụng kinh niệm Phật bao giờ, thành ra không cảm-hóa thêm được chút nào cả.

Lại nói đến những người chưa phải là tín-đồ nhà Phật thì lại càng chán lắm. Hình như họ ra chùa để thử xem cách xếp đặt ra sao, có gì vui tai, vui mắt không ; họ ra chùa để gặp nhau, để nói chuyện, để ăn giầu, uống nước, hút thuốc, để chen chúc nhau, xô đẩy nhau rồi ra về, không mang theo chút cảm-tình gì đối với Phật-giáo cả ; họ ra chùa về cũng như ở chợ về, ở rạp hát hay rạp chèo bóng về vậy. Đáng phàn-nàn lắm thay !

Nguyên nhân sự khuyết-diểm đó lại do ở sự lờ-chờ chưa được hoàn-toàn của hội ta.

Vậy ta phải mau mau tìm cách chữa.

Nay tôi xin trình bày cùng Hội một cách rất mầu nhiệm để cảm hóa những người đã bước chân đến cửa từ-bi, dù là thực lòng đến hay đến thử cũng vậy.

Nhà đại thông-thái Pháp PASCAL có nói : « Si vous ne croyez pas, agenouillez-vous et priez ». « Nếu người không tin, người hãy quỳ xuống và tụng kinh đi ».

Vậy từ nay, bất cứ là tín-đồ nhà Phật hay không, là quan, là dân, bất luận ai, vì dưới mắt Phật

ai cũng chỉ là một linh-hồn trầm-luân trong bể-khổ, cần phải giải-thoát mà thôi — bẽ đã ra chùa là phải quỳ trước tam-bảo, cúi đầu trầm mặc nghĩ ngợi một hồi lâu rồi tụng kinh : Nam-mô A-di-đà Phật, Nam-mô Sa-bà giáo-chủ Thích-ca mâu-ni Phật, chúng tôi luân-hồi sinh-l tử, khổ nhục vô cùng. đem đầu đến cửa Phật là cửa đại từ, đại-bi, cầu Phật-tổ giải-thoát cho chúng tôi, Nam-mô A-di-đà Phật. Thế là tự-nhiên ta sẽ cảm thấy sự thiêng-liêng của đạo Phật rồi trong mình rờn-rợn, ta thấy ta bé nhỏ, khổ-sở, mà lòng tin-ngưỡng cũng tự-nhiên nảy ra ; rồi cứ thế mãi, lòng tin-ngưỡng có thể lên đến cực-diêm vậy. Gợi có một ý-kiến thô-thiền trình bày cùng Hội xét, và xin chất chính cùng thập-phương giáo hữu.

NGUYỄN-MẠNH-NHƯ

Khảo-cứu Hội-viên hội Phật-giáo Bắc-ninh

VIỆT-NAM THIỀN-TÔNG THẾ-HỆ

(tiếp theo)

(Phái Ti-ni-da-lưu-chi đời Lý)

Đời thứ mười chín. - Hai người khuyết một

Y-sơn 依 山 Thiền sư

Y sơn Thiền-sư trụ-tri ở chùa Đại-từ, Đại-thông-tràng, Long-phúc. Người vốn quê ở Cẩm-hương. Nghề an, nhà họ Nguyễn. Phong-tư đẹp đẽ, biện thuyết minh bạch. Từ thừa còn nhỏ, đã thông các sách kinh sử. Phạm chơi với bạn và trọn nghề gì đều có ích cả. Người lại gia tâm khảo cứu về sách Phật. Năm 20 tuổi xuất-gia theo học vị trưởng lão ở chùa làng. Sau ra kinh-đô. tham học Viên-thông Quốc-sư, nghe lời thầy nói đều hiểu ngộ. Ít lâu thì Y sơn-sư đi du

phương hành-hóa để khai đạo cho người đời. Được đồng tiền tin-củng nào đều đem làm việc Phật hết. Người làm văn khuyến có câu rằng :

釣名嗜利，皆如水上浮漚。

植福種緣，盡是胸中懷寶。

Câu danh tham lợi, đều là bọt nổi trên sóng,

Giờng phúc gây duyên, mới thực báu lành trong bụng.

Khi tuổi già, Y-sơn Thiên-sư đến trụ-trì chùa Nam-vô, làng An-lãng. Người thường giậy cho môn-dồ rằng :

「汝等應知，如來成等正覺，於一切義，無所觀察，於法平等，無有疑惑，無二無相無行無止，無量無際，遠離二邊，住於中道，出過一切文字言說，傳得一切眾生量等身，得一切刹量等身，得一切三界量等身，得一切佛量等身，得一切言語量等身，得真如量等身，得法界量等身，得虛空界量等身，得無礙界量等身，得一切塵量等身，得一切行量等身，得一切寂滅量等身。」

-- « Các thầy nên biết, Đức Như-lai đã thành được bậc chính chính-giác, Ngài đối với hết thấy nghĩa không còn phải quan sát gì mới biết, đối với mọi pháp coi là bình đẳng cả không còn có nghi hoặc gì nữa, lẽ không thấy có hai, vật không thấy có tướng, không thấy hành, không thấy chỉ. Không chừng lượng nào, không cỡi thừa nào, xa cách cả hai nơi địa cạnh mà ở chốn trung-đạo. Vượt ra ngoài hết thấy văn-lự ngôn-thuyết mà ngộ được hết thấy những thân có số lượng của các cỡi, Ngộ được hết thấy những thân có số lượng của Tam-giới, Ngộ được hết thấy những thân có số lượng của Phật, Ngộ được hết thấy những thân có số lượng của ngôn-ngữ, Ngộ được hết thấy những thân có số lượng của châu-như, ngộ được hết thấy những thân có số lượng của pháp

giới, ngộ được hết thấy những thân có số lượng của hư-không-giới, ngộ được hết thấy những thân có số lượng của vô-ngại-giới, ngộ được hết thấy những thân có số lượng của điều nguyện, ngộ được hết thấy những thân có số lượng của sự hành, ngộ được hết thấy những thân có số lượng về cõi tịch diệt ».

Ngài lại có một bài kệ rằng :

« 如來成正覺. 一切量等身.

回互不回互, 眼晴童子神,

Đức Phật Như-lai thành chính-giác,

Hiểu thấu hết thấy lượng đẳng thân.

Chi chi hồi-hộ không hồi-hộ,

Đều không tránh khỏi dưới mắt thần ».

Lại một bài nữa :

« 真身成萬象, 萬象卽真身.

月殿榮丹桂, 桂月在一輪.

Chân-thân nọ thành muôn hình tượng,

Hình-tượng kia thiết tức chân-thân.

Cung giăng cây quế tàn vắn,

Quế giăng, giăng quế một vầng không hai ».

Khi Y-sơn Thiên-sur sắp tịch, Người bảo môn-dồ rằng :
« Ta không trở lại chốn này nữa đâu ». Người nói
đoạn thì cây hoa trước nhà tự-nhiên trút rụng,
những loài chim yến chim sẻ đến kêu díu-dít ra
giọng bi-ai đến ba tuần chưa thôi. Đến ngày 18 tháng
3 năm Nhâm-tý, niên hiệu Kiến-gia 建嘉 đời vua
Huệ-tông nhà Lý (1911-1223) thì Người tịch.

Phái Tuyết-thực Minh-giác 雪實明覺

Mục này trong sách Thiên-uyên tập anh chỉ chép
danh mục về thế-hệ mà thôi, lại đời thứ nhất chỉ

giỏi, ngộ được hết thấy những thân có số lượng của vô-năng-giỏi, ngộ được hết thấy những thân có số lượng của vô-năng-giỏi, ngộ được hết thấy những thân có số lượng của sự hạnh, ngộ được hết thấy những thân có số lượng của sự hạnh, ngộ được hết thấy những thân có mọi bài kệ rằng :

« 如來成正覺 一切量等身
回互不回互 眼晴童子神

Bức Phật Như-lai thanh tịnh-giác,

Hiếu lâu hết thấy lượng đẳng thân.

Chỉ chi hồi-hộ không hồi-hộ,

Đều không tránh khỏi mắt thân ».

Lại một bài nữa :

« 英身成薔豔 寶聚即真身

月殿榮丹桂 桂月在一輪

Chân-thân nó lành môn hình lượng,

Hình-trưng kia thết tức chân-thân.

Cung giáng cây que lân vân,

Que giáng, giáng que một vầng không hai ».

Khi Y-sơn Thiên-sư sắp tịch, Người hảo môn-dồ rằng :

« Ta không trở lại chốn này nữa đâu ». Người nói
đoàn bđi cây hoa trước nhà từ-nhiên trút rụng,

những loài chim yện chim sẻ đến kêu dĩa-dĩa ra
giọng bi-ai đến ba tuần chưa thôi. Đến ngày 18 tháng

3 năm Nhâm-tý, niên hiệu Kiến-gia 建嘉 對 對 對
Huế-tông nhà Lý (1911 1223) thì Người tịch.

Phái Tuyết-thực Minh-giác 雪實明覺

Mục này trong sách Thiên-uyên tập anh chi chép
danh mục về thế-hệ mà thôi, lại đời thứ nhất chi

PHẬT TỒ TÂM ĐĂNG

(tiếp theo)

10. Thương na hòa tu tôn giá

(Tờ thứ ba bên Thiên-chúc)

Kệ rằng :

非法亦非心 Phi pháp diệc phi tâm,
無心亦無法 Vô tâm diệc vô pháp,
說是心法時 Thuyết thị tâm pháp thời,
是法非心法 Thị pháp phi tâm pháp

Đại ý bài kệ này nói : Chí-lý siêu tuyệt, tuyệt hết mọi tướng, cho nên nói không phải là pháp mà cũng không phải là tâm. Cái tên tâm với pháp đã không có thì còn có tâm pháp gì mà được nữa. Bởi thế nên biết lúc nói đến tâm pháp tinh vi màu nhiệm ấy, thì pháp ấy không phải là tâm pháp năng (1) với sở vậy.

« Tâm pháp đã không, còn đâu năng sở, thực đáng gọi là cái nghĩa tinh-vi màu-nhiệm đúng thứ nhất, không thể nào mà nghĩ bàn được vậy ».

11. Ưu-ba cúc tôn giá

(Tờ thứ tư bên Thiên-chúc)

Kệ rằng :

心自本來心 Tâm tự bản lai tâm,
本心非有法 Bản tâm phi hữu pháp,
有法有本心 Hữu pháp hữu bản tâm,
非心非本法 Phi tâm phi bản pháp.

Đại ý bài kệ này nói : Tâm nguyên lai vẫn là tâm, không phải mượn đâu tạo tác ra. Tim không thấy được, hỏ không lia nổi, cái bản tâm đó, cũng như hư không

(1) Năng : có thể, Sở : chỗ Như mắt có thể trông thấy, thì mắt là năng, sắc là chỗ để mắt trông thấy, thì sắc là sở.

lồng lộng thông suốt, không phải là có pháp gì mà có thể chấp được cả. Nếu nói rằng có pháp chấp lấy được, có tâm nhận lấy được, thì không phải là cái tâm của chư Phật được, mà cũng không phải là pháp bản-nguyên được vậy.

« Tâm nguyên rỗng không, còn có pháp gì nữa, nếu tưởng làm có pháp, tức là căn trần rồi, không phải là tâm pháp bản lai nữa ».

(còn nữa)

Truy - môn cảnh huân

BÀI VĂN THÍCH-NAN

Ông Hy-nhan thủ tọa, hiệu là Hành-dồ, tinh cương cương quả quyết, học thông cả nội ngoại điển, tiết-tháo thanh cao, du lịch khắp nơi rồi giờ về ăn-cư ở một nơi am cũ, từ đấy vết chân không đi vào các nơi trần tục nữa, hàng ngày đóng cửa yên ngồi nếu không phải những bực hành-ngự cao biết thời không kết bọ, các bậc Danh-công quý nhân thường đem chùa đến cúng, ông đều không nhận, bấy giờ có một đờ Hành-dồng tên là Sam-kỷ, xin cầu xuất-gia thụ giới để hầu hạ bên tả bên hữu Ông Hy-nhan biết Sam-kỷ không có cái căn-khí xuất-gia, liền làm văn Thích-nan để từ khước, nói rằng : biết bệnh con không ai bằng cha, biết bệnh cha không ai bằng con. Sam-kỷ con ta ơi, người không có cái khí-tượng làm tăng, bởi vì xuất-gia làm tăng không phải là việc nhỏ, không phải cầu lấy yên thân; không phải cầu sự no ấm, không phải cầu sự lợi danh huyền ảo, vì sinh-tử, vì chúng sinh, vì rất phiền-não, ra ba cõi luân hồi, để nổi tuệ mạnh của Phật mà xuất gia. Nay cách Phật đã xa, giáo pháp đã hầu

nát, con chực đua làm tăng thế nào được, kinh Bảo-lương nói rằng : Tỷ-khưu mà không tu pháp Tỷ-khưu, thời trong đại-thiên thế-giới không có chỗ nào dong mình, lục Thông-tuệ cũng chép rằng : làm tăng mà không dự mưu khoa, thời thờ Phật luôn nhờ sức trăm năm vô ích, như thế mà làm được chớ là khó lắm ư ? cứ thế nghiệm xem, ta đây cũng là người lạm nhập vào hàng tăng có hại cho Phật-pháp, huống chi là người, bởi vì đi xuất-gia làm tăng, nếu trong không hiểu ba thừa mười hai phân-giáo của Phật pháp, ngoài không xuất đạo Chu-công Không tử, không rõ bản tính nhân quả, không quen việc cấy cấy khó nhọc, không nghĩ đến của tin-thí khó tiêu, chỉ rượu thịt xay xua, phá trai phạm giới, đi buôn ngổ bán, cò bạc gian phi, ngao du ở nơi tự-viện, xe ngựa ra vào, chỉ chăm phụng dưỡng một thân mồi, không đoái đến ai cùng khổ. Than ôi ! có cái thân sâu thước mà không trí-tuệ, Phật bảo là tăng di, có lưới ba tắc mà không biết thuyết pháp, Phật bảo là tăng á-dương (đê ngọng) giống tăng mà không phải là tăng, giống tục mà không phải là tục, Phật bảo là tăng điều-thử (chim chuột) hay là cư-sĩ trọc đầu, kinh Lăng nghiêm nói rằng : những hạng người nào gọi là đặc, là những kẻ mượn y-phục của ta, để buôn bán Như-lai tạo ra các nghiệp mê-tin để cầu lợi, những kẻ ấy không phải là bề bấu giúp đời, họ là hạt giống của Địa-ngục, ví dù đến đời đức Di-lặc hạ sinh, ngọc được đầu lên cũng còn khó, thân đã hãm vào cái khổ thống ngục bình thiết-vi, không phải một chốc mà gỡ ra được, nầy những người như thế hàng trăm hàng nghìn hàng vạn không biết đâu mà kè, chỉ có hình phục bề ngoài mà thôi, sét đến cầu bản ở trong thời không có gì, thế cho nên người ta thường nói lông cánh con quạ mà lại bắt chiếc tiếng phượng-hoàng

kêu, nhưn nhón nhữag đá, tìm đáu ra ngọc, khóm ngái xanh di không phải là cở-nhấn ở núi tuyết-sơn, nhà nước độ tăng vốn vì cầu phúc, nay lại trách sư tăng không đóng xuu thuế, đem dân mà tỷ với tăng, không phải là nhà nước không biệt đãi chư tăng, chỉ vì chúng ta không có tài-trí đối đãi lại, nên bị thế vậy, như trước đây có mấy vị khá giả; ông Dục vương- Liễn, ông Vĩnh-an-Trung, ông Long-tĩnh-Tĩnh, ông Linh-chi-Chiếu có thể gọi là một năm lông cừu đủ ngắn xương tuyết, còn ra nghìn sắc con dê cũng chẳng ích gì, than ôi ! bề nhưn Phật pháp sóng cồn vẫn đục, chưa có bao giờ lại tẻ quá như ngày nay, nên đối với người trí mà bàn, chứ khó cùng kẻ ngu mà nói.

Phê-bình : đời nhà Lương ở Tàu là thời kỳ hán-học phổ thông, Phật học phát đạt mà còn có bài ta thán Phật pháp suy đồi như trên này, thời biết rằng hiện nay thời đại biến thiên ở xứ ta, Phật giáo không được thịnh đạt, tăng lữ không có nhân tài, cũng không lấy gì làm lạ, xem đây đủ biết cở-nhấn thận trọng sự tuyển người cho thụ-giới xuất gia là nhưnng nào, thực thế, Phật pháp nhị bảo, giai lại tăng hoằng (佛法二寶皆賴僧弘) hai ngôi Phật pháp đều nhờ tăng mở giộng ra, tăng mà không đủ tài năng học thừ thời đằm đằm gánh nặng Phật pháp sao nổi, bởi thế có câu rằng : cái tài của ông tướng văn, ông tướng vũ cũng còn thua kém cái tài của người xuất-gia, đó là nói nhưnng vị xuất-gia chỉ một đời là chứng quả, nhưnng than ôi, nhưnng người chân chính giáo ngộ đời xưa còn hiếm, huống chi đời nay còn kiếm đáu ra, hiện nay ở xứ ta có cái hại các vị độ người xuất-gia một câu câu thả, bất luận là đệ-tử mình kiểu nhưc thông minh hay ngu độn, cứ đến tuổi thời cho thụ giới, miễn sao cho đồng đệ-tử cho lắm tío-dồ, đề có người đỡ đần công việc, không chịu giáo huấn,

mà cũng không chịu giúp đỡ cho đệ-tử đi xam vấn học hành, như thế thanh-niên tăng lữ tránh sao cho khỏi cái nạn bất học vô thuật. Đối với công cuộc hoằng dương Phật pháp đấm đang sao nđi, bước tiên trình gánh nặng đường xa, mong rằng các vị có đệ-tử trước khi cho thụ-giới xuất-gia, nên xem qua bộ Truy-môn cảnh huấn.

SÙNG-CỔ

VĂN UYÊN

MƯỜI BÀI TÌNH THẾ

I

Người đời nào khác bóng phù-du,
 Biết rõ thân rồi phải sớm tu.
 Nếu đợi đến già mà niệm Phật,
 Ất là lỡ dở cái công phu.

II

Công phu lỡ dở hiếm chi người,
 Tuổi mới đôi mươi đã lánh đời.
 Thân sống của mình không chắc chắn,
 Sớm còn tối mất dễ như chơi.

III

Như chơi cuộc thế tựa trò hề,
 Nhọc dạ mưu cầu chẳng ích chi.
 Phú quý nào qua ba tấc đất,
 Công danh cũng một nắm xanh ri.

IV

Xanh rì cô loán năm mờ hoang,
Danh lợi chi chi mộng một trường.
Hên chết thân người đầu chuộc đặng,
Cuộc đời nghĩ lại rất mơ màng

V

Mơ màng, như một giấc chiêm bao,
Cái kiếp con người rất đổi mau.
Trăm khéo ngàn khôn bao kẻ dở,
Một mai nhắm mắt của còn đầu.

VI

Còn đầu của ấy chất chi nhiều,
Tranh đoạt bao nhiêu khổ bấy-nhiều.
Nhân quả nợ nần vay trả mãi,
Bao giờ lên đặng cảnh tiêu diêu.

VII

Tiêu diêu chi sánh cảnh Già-lam,
Tiếng kệ câu kinh sạch dạ phàm.
Ngày tháng thung dung vui với đạo,
Lợi danh tình ái mặc người ham.

VIII

Người ham ta tỉnh nghĩ thương người,
Thả một thuyền từ giữa bể khơi.
Vớt kẻ trầm luân ra khỏi hải,
Độ người mê muội khỏi luân hồi.

IX

Luân hồi nẻo ấy phải lo xa,
 Khuất bóng thân này khó kiếm ra.
 Pháp Phật dễ đâu nghe được mãi,
 Nghe rồi mau liệu kẻ ngày qua.

X

Ngày qua cái chết lại mình ta,
 Sớm liệu mau chân chớ đợi già.
 Tu niệm gắng công về Cực-lạc,
 Kiếp sau khỏi khổ chốn Ta-bà.

Đào-văn-Bộ

Phủ-lộc — Bình-phủ
 Vinh-long — Tam-bình

Giải đáp bức thư hỏi đạo
 CỦA NAM-ĐẦU CƯ-SĨ, BÀI-THƯỢNG

Đuốc-Tuệ tiếp được bức thư của Nam-đầu cư-sĩ hỏi đạo đã từ tháng Juin năm nay, nhưng vì tòa-soạn bận về nhiều việc, nay mới có dịp kính đáp lại, xin Cư-sĩ miễn thứ.

Trong thư, mở đầu Cư-sĩ đã cho chúng tôi biết cái chỗ nhân-duyên học Phật của Người.

Người vốn một nhà túc-nho, một vị kỳ-lão trên trường sĩ-hoạn, nay cảnh già vui thú cúc-tùng, muốn tìm một giáo-nghĩa chính-đáng để an-ủi tâm-thân, từng đem nho-học để khảo-luận các tông-giáo thì thấy có đạo Phật là hơn cả, có thể giải-thoát cho người đời được tiêu-dao tự-tại. Song ngặt vì cư-sĩ thấy trong Phật lại có nhiều chỗ cao thâm khiến

cho cư-sĩ sinh mỗi hoài nghi, nên viết thư hỏi Đuốc-Tuệ chúng tôi đề phá những cái nghi ấy.

Đuốc-Tuệ chúng tôi rất cảm ơn ông bạn đồng-đạo Nam-đầu cư-sĩ đã thành thực muốn cùng chúng tôi luận bàn cho ra nghĩa đạo, cái đạo mà chúng ta đã tin theo. Vậy đạo Phật ta vốn rất cao thâm, xưa nay loài người trong thế-giới đều công nhận.

Đạo Phật sở dĩ là một lòng-giáo chính-đáng hơn nhất các giáo khác trên hoàn cầu cũng là ở chỗ cao-thâm ấy. Chỉ vì đạo Phật là một đạo rất cao-thâm nên đối với đạo Phật ta không thể đem ý-kiến thực thà và thiên-cận mà suy-xét cho tới cùng được. Bởi vậy đối với đạo Phật, những chỗ cao-thâm huyền-diệu mà ta không thể lấy căn-khí để tiếp thấy được, như nhỡn căn tiếp thấy sắc trần, nhĩ căn tiếp thấy thanh-trần v. v. thì ta phải tìm vào chốn tâm-linh mà tự chứng giải lấy. Cái chỗ tâm-linh chứng-giải ấy mới là cái nơi tuyệt-dịch giác-ngộ của kẻ tu đạo. Hiểu như vậy thì trong bức thư hỏi đạo của Nam-đầu cư-sĩ có 6 điều, tưởng không đợi giải cũng đã rõ nghĩa cả rồi. Song theo phép đàm luận, có hỏi có đáp, vậy xin lần lượt giải đáp từng điều sau này :

1. Nam-đầu cư-sĩ hỏi :

— « Theo luận-hồi nhà Phật, người ta sát sinh thì phải đọa làm súc sinh, thế người ta sát gì ở đâu mà phải đọa làm người ở thế-giới ngũ-trọc này ? Con cạp nó ăn thịt người rồi nó có phải đọa làm loài người không ? »

Xin đáp :

« Đạo Phật dạy về vòng luân-hồi có 6 đạo. Bề bậc siêu hay đọa trong vòng Lục-đạo là : ở cõi trời mà thêm phúc lớn thì thành Phật, nếu hết phúc thì tội nhỏ phải đọa làm A-tu-la hay là làm người, tội to phải

đọa làm súc-sinh, hay ngã-quỷ hay địa-ngục tùy nặng-nhẹ. A-tu-la mà có phúc lớn thì siêu-thăng làm trời hay làm Phật, có tội thì phải đọa làm người, tội to phải đọa xuống trong ba bậc dưới nữa. Người mà có phúc thì được siêu thăng làm A-tu-la, làm trời, làm Phật, tùy phúc nhiều ít. Nếu có tội thì tùy nặng nhẹ phải đọa xuống ba bậc dưới.

Ở ba bậc dưới, hết kiếp đọa đầy thì được siêu thăng làm người. Vậy người là một bậc trung trở lên trong 6 đạo, gần với trời với thần mà xa với súc-vật, ngã-quỷ và địa-ngục. Một cái trường thì phúc tội tự mình làm dễ siêu hay đọa. Một cái thang có thể lên cõi trời, cõi Phật được. Từ người trở lên đến trời là những cõi Phật-tính được biểu hiện rõ-ràng, cho nên sự cư-xử của người mới có đạo-nghĩa khác với súc-sinh mà giống với trời, cho nên người mới cần phải theo giới hạnh mà tu phúc tránh tội, trong 5 giới Phật dạy, người nào phạm giới gì đều bị tội báo tùy nặng nhẹ.

Về giới sát-sinh kể cả giết người và giết loài vật, nếu không vì sự cứu người cứu vật mà giết thì phải xu-đọa, không cứ phải đọa một kiếp súc-sinh.

Thế-giới người ta ở đây tuy là thế-giới ngũ-trọc, là nó không được thanh-tịnh như cõi Phật, không an-lạc như cõi trời, nhưng nó không khổ-cực như những kiếp súc-sinh, ngã-quỷ và địa-ngục. Hợp với đoạn trên kia đã nói thì làm người hoặc là do trời; thần bị đọa, hoặc là do 3 bậc dưới mà được thăng. Chứ không những vì giết gì mà phải đọa làm người như người giết vật mà phải đọa làm vật.

Người ta được Phật-tính biểu hiện, gần với trời với Phật, nên càng phải cứu-độ cho chúng sinh mà tạo phúc, tàn sát thì có tội. Vả người không cần sát-sinh cũng đủ bổ-duỡng, nên tàn sát thì có tội.

Còn như con cạp là tiền thân nó có tội, bị dọa làm kiếp cạp, một loài súc-sinh chỉ phải ăn thịt. Con cạp đã là súc-sinh thì Phật-tính bị che lấp, chỉ phải làm cái nghiệp bất loài có thịt mà ăn cho hết kiếp không phân biệt người hay vật nào khác. Thế thì con cạp ăn người cũng như ăn con bươn con lợn nó không có tội. Tội của nó là đã bị dọa làm kiếp súc-sinh, loài hung-ác ấy rồi. Và người nào con vật nào mà bị cạp ăn ấy là chúng kết-liên nghiệp báo của mình. Như vậy chẳng biết con cạp rồi có sinh làm người không, nhưng con nào sau được làm người thì là siêu chứ không phải là đọa.

2 Cư sĩ hỏi :

— « Trong kinh có câu : « quá thập cãng-già đẳng Phật độ hữu thế giới v. v. 過十殞加沙佛土有世界... » thì theo khoa-học thực-tế có thể lường sa là bao nhiêu, và thế-giới ấy có thể tin có được không ? ».

Xin đáp :

— « Cãng-già tức là Gange, Tàu dịch là Hằng-hà một con sông lớn ở Thiên-trúc. Sông này nhiều thì phạm kinh Phật nói : « Hằng-hà xa-số » là nói nhiều không kể siết. Đây nói « thập cãng-già xa đẳng » thì lại là nhiều gấp mười cái số « Hằng-hà-xa » nói kia. Thế thì cái thế-giới này xa cõi Phật biết thế nghĩ tới được.

Ngày nay về khoa-học về thiên-vấn dùng đại-kính trác-lượng mà biết rằng trong vũ-trụ vô-tính-tú và thuộc từng chòm như chòm « thiên-dương-hệ » của ta này cả. Mỗi chòm có nhiều vì sao mỗi vì sao thường là một thế-giới. Vì sao quá xa ta ở là một thế-giới trong vũ-trụ các sao. Đại-kính soi thấy các sao nhiều như cát sông mà xa nhau cũng vô-cùng-cực, các vì sao nào gần

đất như trong thái-dương hệ còn có thể suy lượng biết số độ xa gần, còn ngoài ra nhà thiên-văn ngày nay cũng không thể lấy căn-khi mà lượng biết được. — Và sự căn-khi của người và của viễn-kính ngày nay cũng mới biết được đại-lượng như thế thôi. Ngày nay ta xem nhà thiên văn nói về hiện tượng vũ-trụ, ta kinh-thán rằng vũ-trụ thực là một cuộc kỳ quan vô-cùng. Thế mà trước đây hơn 2000 năm Phật đã thường nói « thế giới vô biên », nghĩa là những thế-giới trong không gian nhiều không chừng hạn. So với cái bầu trời tinh-tú ngày nay, câu « thế giới vô biên » không phải là lời nói không. Câu « thế giới vô biên » đến nay đã không phải là lời nói không, thế là đủ rồi, ta không cần phải đem suy lượng cho biết mỗi thế-giới nói trong kinh Phật, là một vì sao nào và xa ta bao nhiêu ta mới tin nữa. Còn như muốn tin mỗi thế giới nói trong kinh Phật như thế-giới Đức Dược-sư này cách cõi Phật ta gặp mười số cát sông Hằng-hà là có hay không, ta phải cầu đến chỗ lâm-linh mà chứng nhận ».

3 Cư-sĩ hỏi :

— « Đức Phật-tử Thích-ca, trước khi Ngài giảng sinh, Ngài cũng tự biết Ngài là Hộ-minh Bồ-tát thấy cõi đời khổ-não, Ngài phát-nguyện xuống cứu khổ cho đời, ở cõi uế-độ. Sao Ngài còn phải vì xuất-du bốn cửa thành rồi gặp tứ-tướng, lại còn phải hỏi người thị-thần cất nghĩa cho Ngài, Ngài mới liễu ngộ mà xuất gia ? »

Xin đáp :

— « Trong pháp giới chỉ có Phật là lúc nào cũng sáng suốt biết được túc mệnh của mình và của người khác từ quá-khứ đến vị lại thế nào. Nhưng đã hóa chuyển vào vòng lục đạo thì dù là siêu là đọa hay là tự-nguyện giảng sinh mặc lòng, khi thay kiếp này sang kiếp khác đều bị cái vô-minh nó che lấp mà quên mất đời quá khứ của mình, ở cõi người là thang lên cõi trời cõi Phật, người nào sẵn có túc căn tốt mà lại dầy công tu-học phá được vô minh chứng được « túc mệnh thông » tức là

thành Phật rồi, bấy giờ mới biết lại được túc-mệnh của mình và người khác. Vậy những lời Đức Thích-ca nói trước kia Ngài là Hộ-minh Bồ-tát ở Đâu-xuất thiên-cung cùng những lời Ngài phán bảo cho đệ-tử ai trước kia là kiếp gì, và Ngài thụ-ký cho ai sau này chúng bậc gì đều là lời nói khi Ngài đã chứng bồ-đề thành Phật rồi cả. Còn khi Ngài còn là một vị Thái-tử hay một thầy tu đi học đạo, Ngài đã chứng « túc-mệnh-thông » đâu mà, Ngài biết kiếp trước của mình và nhiều cái sắc-tướng ở đời mà Ngài chẳng phải hỏi. Nhưng Ngài vẫn khác người thường là có cái túc-căn sáng-xuất dễ ngộ-đạo. Tức như nhà Nho nói Đức Khổng-tử là một bậc thánh do trời thả xuống (thiên-túng chi tương thánh), nhưng lúc nhỏ, Đức Khổng-tử cũng phải đi học như trẻ thường, chỉ khác là Đức Khổng-tử học trông hiểu hơn trẻ thường nhiều lắm.

4. Cư-sĩ hỏi :

— « Trong kinh nói đời hiện tại Đức Phật-tổ sau khi Ngài tịch diệt rồi, vị-lai sẽ có Đức Di-lặc ra đời. Mà Đức Phật-tổ đã quá-khứ gần 3000 năm nay sao chưa thấy vị-lai, hay vị-lai rồi hay bao giờ mới đến vị-lai. Ngài ra đời sẽ có ảnh-hưởng thế nào và giáo-pháp ra thế nào ? »

Xin đáp :

— « Theo trong kinh Phật, cõi đời này có ba kiếp, quá khứ có Thất-Phật, hiện-tại có Thích-ca, vị-lai có Di-lặc. Thất-Phật mở-mang cho đời, Thích-ca giáo-hóa cho đời tu-tiến, Di-lặc độ cho đời được hưởng lạc. Có mở mang phải có tu tiến, đời mới viên mãn phúc tuệ. Phúc tuệ viên mãn sẽ được hưởng lạc. Ta sẽ dĩ biết giáo-chủ kiếp vị lai ở cõi đời này là Đức Phật Di-lặc là do lời Đức Thích-ca. Trong kinh Bồ-tát xử-thai 菩薩處胎 nói : « Phật dạy : ông Di-lặc này, ông lại thụ-ký lấy, năm mươi sáu ức bảy nghìn vạn năm nữa ông thành đạo ở dưới gốc cây này ». Lại trong kinh « Di-lặc Bồ-tát thượng sinh » nói

hiện nay Di-lặc còn là Bồ Tát, sinh lên cung trời Đâu-xuất ở đó có vô số chư thiên xướng vui-thú rất thắng diệu. Vậy Đức Di-lặc là chủ sự hưởng lạc vậy. Thế cho nên Mật-giáo tạc tượng Ngài béo tốt đầy-dã, phệ bụng, cổ trần và nét cười đầy vẻ xuân-phong xuân ý, chứ không khổ hạnh tẻ buồn như nhiều tượng các vị tu-hành khác. Coi đó ta biết khi đức Di-lặc ra đời làm giáo-chủ, ảnh hưởng và giáo pháp của Ngài là làm cho chúng sinh được sung sướng vui thú tự do tự tại như trên cung trời Đâu xuất.

(còn nữa)

D. N. T.

Trộm cướp thành Phật

Đời vua A-dục-vương, Phật-giáo mới truyền sang đông-độ, các bà Ưu-bà-di (bà vãi) tuy mỗi tháng hai kỳ sóc và vọng đi chùa, mà các bà vẫn chưa ngộ được đạo thì bị bác ái của Phật-tổ, nghĩa là vẫn bị ba cái nghiệp là Tham, Sân và Si nó giam-hãm quẩn quýt.

Gần khu đó thường bị một tên trộm quấy nhiễu, bất kỳ của nhà chung hay nhà riêng hễ sềnh ra là của hắn cả.

Một hôm nhà chùa gần đức chuông, những đồng-thiếc thập phương phát tâm cúng dâng đầy-rẫy man mác. Ngọn lửa tham tâm bùng bột bốc lên, đợi đêm tối đi kèm, với hắn một con dao nấp ở hồi sau chùa hi-háy đào ngạch. Trời ôi ! đêm đã khuya mà tiếng mõ lúc-cốc vẫn gọi bên tai, kể sau tiếng mõ thì thấy những giọng êm-đem ráo-rẻ, toàn là lời vàng tiếng ngọc của sự-già dẫn-bảo thiện-nam tín-nữ.

Nào là : Giới sát ! không được sát hại sinh-vật ngoài khi có việc.

Giới dâm ! ngoài đời lứa mình không được tà-dâm.

Giới vọng-ngữ ! không được nói man-trá càn-dỡ.

Giới tửu ! không được uống rượu quá say.

Sau cùng lại nghe được một giới nữa là giới-đạo, không được lường-gạt trộm-cướp. Tên trộm tự cho là giới này chính trùng đũa cái nghề của mình, mà mình từ trước vẫn phạm.

Xúc-dộng đến lương tâm, tên trộm liền quảng con giao xuống đất tự mình thề với mình rằng « Từ nay hồi-hương trước cửa tam-bảo, trọn đời nguyện đứng trong phạm-vi 5 giới », Thế là trở về cây sấu cuộc bữa làm ăn, không tơ hào tới của bất nghĩa như trước

Lệ nhà chùa kẻ mở hội phải trồng cây phước, đến ngày mở hội đúc chuông, cây phước đã trồng nhưng quên không ràng giầy để treo giải phước

Các bà Ưu-bà đi gặp được cơ-hội toan giải sống tên trộm ấy, các bà gọi tên trộm ấy ra khoán treo lên ràng giầy, nếu mà lên cao ở dưới đạp đổ, thế tất trộm chết. Việc chùa là việc phước, tên trộm từ chối không giám nhận tiền khoán, mà tự hết sức treo lên ràng phước cho bằng được

Thôi là hết giống trộm cướp ! các bà lấy làm đặc-sách vui sướng vô cùng, cả đến các ông chồng hay các con các cháu của các bà cũng mừng rỡ mà đoán chắc tên trộm ấy chết cả trăm phần trăm.

Ngờ đâu tên trộm đã biết tinh-ngộ, Phật cũng chứng cho, khi treo tới nơi cây phước đương bị điên đảo, tự nhiên chung quanh chiếu ra những ánh hào-quang rực-rỡ, tên trộm chứng ngay được quả A-la-hán.

Thấy thế tưởng ai treo cũng thành Phật cả, các bà tranh nhau treo, bất hạnh gió lay phước ngã, cuốn hết các bà xuống nguy mật đất. Bà thì gãy chân què tay, bà thì sứt tai mẻ cằm, thuốc-thang mãi, song cũng bị tàn tật

Bởi thế tục ngữ có câu.

Trộm cướp, thành Phật thành tiên,

Đi chùa đi chiền bán thân bất toại

Nhàn-vân-Định

啓白

敬啓。十方大覺。三世雄師。揚慧炬於昏衢。泛慈航於苦海。竊開鷄籌初送。兔影方沉。江山之煙霧微分。遠

近之輪蹄齊動。樓上梅花聲斷。牕前竹葉醉腥。柳

三

眉隱約映朝暎。花面嬌羞凝曉露。逢茲明發。憫彼愚

蒙。宵中夢裏旣昏七。覺後心頭猶擾七。眼耳隨於聲

色。鼻舌逐於味香。長爲火宅烹煎。永被愛河沒溺。任

爾今朝罔眼漢。亦如昨夜打眠人。不憂生老病死侵。

祇管妄拏財貨縛。諸佛子。身根不固。命帶難安。凡

諸頂上戴天難免眼光落地一朝忽失手萬劫難復

身切須早七種善芽莫自區七求惡果人人猛省箇箇勤修專心禮無上慈容觸目見大光明藏但某甲等謹想斯時以爲曰初之禮。

四

懺悔眼根罪

志心懺悔。臣某等。自從無始無量劫來。失却本心。罔知正道。墮三塗苦。由六根非。若不懺前。難追悔後。眼根業者。惡因熾視。善業冷看。錯認空花。忘窺本。月。愛憎競起。奸醜爭持。瞥眼妄生。眩於正見。白來

KHÓA HƯ GIẢNG YẾU

HÁN

KHẢI BẠCH

Kính khai : Thập phương đại giác, tam thế hùng sư. Dương-tuyệt cự ư hôn cù, phiếm từ bàng ư khồ hải. Thiết văn kê chủ sơ tống, thổ ảnh phương châm Giang sơn chi yên vụ vị phân, viễn cận chi luân đề tề động. Lâu thượng mai hoa thanh đoạn, song tiền trúc điệp túy tinh. Liễu my ần ước ánh chiêu thôn, hoa diện kiều tu ngưng hiểu lộ. Phùng tư minh phát, mẫn bỉ ngu mông. Tiêu trung mộng lý ký hôn hôn, giác hậu tâm đầu do nhiễu nhiễu. Nhân nhĩ tùy ư thanh sắc, ư thiệt chực ư vị-hương. Trảng vi hỏa trạch phan tiên, vĩnh bị ái hà một nịch. Nhậm nữ kim chiêu khai nhãn hán, diệp như tạc giả dã miên nhân. Bất ưu sinh lão bệnh tử lâm, chỉ quản thế nô tai hóa phọc. Chư Phật tử ! thân căn bất cố, mệnh đế nan an. Phạm.

VIỆT

TÂU BẠCH

Kính tâu Đại-giác thập-phương, hùng-sư tam thế. Đường tối tâm giông Đuốc-Tuyệt soi, bề khồ sở thả buồm từ chử. Trộm nghe : canh gà vừa rứt, bóng thổ mới mờ. Mây khói tỏa non sông nghi ngút, ngựa xe đường sau trước rui rong. Tiếng mai-hòa trên lầu mới rứt, chén trúc-diệp trước cửa hồ phai. Lơ thơ mây liễu ánh màu hồng, lóng lánh mặt hoa nhuần hạt móc. Giầy đang sáng sớm, thương kẻ u mê. Trong đêm hôn mộng đã mơ màng, tỉnh dậy tâm đầu còn bối rối. Mắt tai mãi theo thanh sắc, mũi lưỡi say đắm vị-hương. Nhà cháy thui đốt luôn luôn, sông yêu đắm chìm mãi mãi. Tuy đã dậy năm khi buổi sớm, còn như mê ngủ lúc ban đêm. Chẳng lo già ốm chết theo, chi bận vợ con tiền của.

Các con Phật ơi ! gốc thân chẳng vững, cõi mệnh khôn yên.

HÁN

chư đĩnh thượng dái thiên, nan miểu nhân quang lục địa. Nhất chiêu hốt thất thủ, vạn kiếp nan phục thân. Thiệt tu tảo tảo chủng thiện nha, mặc tự khu cầu ác quả. Nhân nhân mãnh tính, cá cá cần tu, Chuyển tâm lễ vô thượng từ dong, súc mục kiến đại quang minh tạng. Cầu tướng tư thời, gĩ vi nhật sơ chi lễ.

Sám hối nhân căn tội

Chỉ tâm sám hối, thần mỗ đấng : tự lòng vô thủy vô lượng kiếp lai, thất khước bản tâm, vọng chi chánh đạo. Đọa tam đồ khổ, do lục căn phi. Nhược bất sám tiên, nan chuy hồi hậu. Nhân căn nghiệp giả ; ác nhân thực thọ, thiện nghiệp lãnh khan. Thác nhận không hoa, vong khuy bán nguyệt, ái tăng cạnh khởi, nghiên sú tranh trị. Miết nhân vọng sinh, huyễn ư chính kiến. Bạch lai...

VIỆT

Hết thầy các giống đầu đội trời, khó thoát tình mắt lệ xuống đất. Một mai lỡ xảy tay, muốn kiếp khó lại được. Mau mau nên dấm lấy mầm lành, xa xả chớ chăm tìm quả ác. Người đều kíp tỉnh, ai nấy chăm tu. Rốt lòng lễ vô thượng từ dong, trạm mắt thấy đại-quang minh-tạng. Bọn chúng con kính tướng lấy giờ này, định làm buổi lễ sáng sớm.

Sám hối tội nghiệp căn mắt

Rốt lòng sám hối : bọn chúng con bởi từ bao nhiêu kiếp tới nay, bỏ mất bản tâm, không biết chính đạo. Đọa là đường khổ, bởi sáu căn sai. Trước chẳng sám hối, sai khó kíp theo. Nghiệp căn mắt là : nhân ác ngấm kỹ, nghiệp thiện xem qua. Nhăm nhận không hoa, nhác trông bán nguyệt, ghét yêu nổi rồi, tốt xấu đua bầy. Lóa mắt sinh cơn mờ đường chính kiến.

BÁT NHÃ TÂM KINH CHỨC GIẢI

Vi như lau gương, không phải là lau gương, chỉ cốt lau bụi, bụi sạch lại sáng, cũng không phải là nhờ cái khác mà sáng ». Vậy biết kinh này, y theo phép Quán-tạ-tạ, chiếu phá sinh diệt năm uẩn đều không, ấy là cùng cực.

Ma ha là tiếng Phạm, nghĩa là rộng lớn, **Bát-nhã** là tiếng Phạm, nghĩa là Trí-tuệ ; **Ba-la** là tiếng Phạm, nghĩa là bờ kia ; **Mật-da** là tiếng Phạm, nghĩa là đến cùng cực tất cả mấy chữ đó nghĩa là trí-tuệ rộng lớn, đến cùng cực bờ kia, hợp với hai chữ **Tâm kinh**, kết thành tên kinh và bao- quát cả tám chữ trên, tức là cái nghĩa màu nhiệm của Tâm. Nên biết rằng hai chữ Bát-nhã, tức là tới pháp mà đặt tên, còn thi đều là tóm cái nghĩa rộng lớn của Bát-nhã và chỗ cùng cực đến bên bờ bên kia, không phải các phép tu hành khác có thể sánh tầy được. Người dịch sớ dĩ đề nguyên chữ Phạm mà không phiên dịch ra chữ Tàu, là có cái ý-chỉ rất xấu-sa. Vì rằng đề Tiếng Phạm là lối nói bí mật, tên kinh mà dùng chữ bí-mật là tỏ cho ta hiểu cái pháp ấy là pháp khó biết khó hiểu, rất tốt rất mực, rất huyền rất áo ; mà nêu lên hai chữ Tâm-kinh, là tỏ ý thương cho kẻ học không biết lối nói bí-mật kia là chỉ vào vật gì, cho nên chỉ cho rõ ngay đi là một cái tâm vậy. Rộng lớn (quảng đại) nghĩa là hàm dung quanh khắp, hết thầy sắc, không, sáu ngã, mười hai loài sinh, la - liệt muôn hình ngàn tượng, hết thầy sự-lý tính-tướng trong cõi pháp cõi hư-không, đều hàm dung được hết, cho nên gọi là rộng. Chỗ hư không kia tuy không có bờ có cõi nào, cũng không có thể bao la được cái thể ấy, cho nên gọi là lớn. Cái thể rộng lớn ấy là chỉ về cái gì ? — Tức là cái tâm, chỉ có tâm là rất lớn, nói về phần lớn, không gì lớn hơn tâm, cho nên nói rằng : Tâm nó bao hàm cả hư-không, lượng của nó khắp cả Hằng-sa thế giới, về chiều giọc cùng cả ba cõi, về chiều ngang xuôi cả mười phương ».

Kinh Lăng-nghiêm nói rằng : « Phải biết cái cõi hư

không kia sinh ở trong tâm người, cũng như một phiến mây
 điêm ở trong khoảng trời xanh, huống chi là thể giới ở
 trong cõi hư-không ư ! » Đủ biết thể giới bao hàm đất
 nước, cõi hư không lại bao hàm cả thể-giới, Tâm lại bao-
 hàm cả cõi hư-không. Cho nên nói rộng-lớn tức là nói
 về thể và lượng của Tâm ; nó rộng lớn khắp xuất, làm
 dong như thế. Song cái thể của tâm tuy lớn, mà thánh
 với phàm vẫn bằng-đẳng, chỉ có khác nhau về chỗ trong,
 đục, mê, ngộ, thuận, trái thời. Nó ở thánh thì gan đục
 ra trong, bỏ mê tới ngộ, theo thuận, phản trái đã lâu
 rồi, nên nó thường thanh-tịnh giác-ngộ, soi tỏ được hết
 thấy mọi pháp sắc, không, muôn hình ngàn tượng, biết
 rõ là hoa không sắc giả, duy tâm tạo ra, nguyên không
 Phải là có thực, cho nên không sinh ra tính phân-biệt,
 phân-duyên (vin vấu) mà chỉ một niềm nhu-như bất động,
 thì cái tính chân-như mẫu nhiệm, trong-xuất bóng loáng,
 trời sáng rành rọt, khắp xuất Hàng-sa thể-giới, thể thì
 pháp-giới thuần là cái tính châu-như mẫu-nhiệm, không
 còn một vật một tướng nào, không là chân-như, cho nên
 kinh Kim-cương nói rằng : « Không chấp lấy hình tướng,
 như như bất động » còn kẻ phàm phu thì cứ chấp lấy
 hình-tướng, trái tính-giác, hợp căn trần, mê căn tới thức,
 tính thức nó hư sáng, mà bị mọi cái hình tướng nó làm
 mê, liền có năm tầng vẩn đục. Đối với hết thấy pháp
 sắc, không, muôn hình ngàn tượng, không biết nó là duy
 tâm hiện ra, bởi nhân duyên sinh ra thì không có bản-tính
 nguyên không phải là có thật, mê-tâm vọng chấp là thì
 mới khởi ra mỗi nghĩ phân biệt : thiện, ác, tốt, xấu, có
 không, giải, ngân, tranh-chấp nhân ngã, phóng túng cái
 tính tham tham-lam dận-dự, ngu si. Từ lúc mới động lòng
 mong nghĩ, tức là chân-như không giữ được tự-tính, thế
 vào vô-minh, từ đó tới tâm vẩn đục, chỉ biết cái chỗ ngồi
 ngồi phân biệt đó là tâm, sai trái hẳn cái tính chân-như
 lặng-tỏ rộng-lớn thanh-tịnh rồi. Vì cái tâm nghĩ ngợi phân
 biệt ấy, chỗ nào chỗ nào, nó cũng thiên lệch ngăn cản
 cho nên mới hẹp hòi mờ tối vẩn đục, mà không phải

cái tâm rộng lớn thanh-tịnh, nay muốn thấy cái tâm rộng lớn thì chỉ cốt dẹp tắt hẳn cái tâm nghi ngại phân biệt đi, thì cái tâm nó lặng yên mà thường chiếu tỏ, chiếu tỏ mà thường lặng yên, tâm không hôn mê vẫn đục, cũng như trên khoảng trời quang mây tạnh, như thế thì không kêu là rộng lớn sao được. **Tri-tuệ** tri là bản thể, tuệ là công-dụng. Tâm lặng yên linh thông biết hết gọi là tri ; tròn sáng hiển hiện gọi là tuệ. Tri-tuệ tức là soi xét vậy. Chỉ xét tự tâm, không xét vật ngoài, gọi là như-như-tri. Chỉ soi tỏ mà không vương mắc, lặng yên thường sáng, không bị trần-đục làm mê hoặc, không bị tham, sân, si nó che lấp, biết rõ hết thầy đều là cái không-hoa, cái tính mẫu nhiệm lặng sáng, như cái gương soi vật, không phải là chịu nhận lấy, không phải là chống cự lại, thế gọi là chân-như tri-tuệ. Nếu để cho các cái kia nó làm mê-hoặc, nó che lấp, thì tri-tuệ đó hóa ra ngu-si rồi. Bờ kia (**Bỉ-ngạn**) : vì y theo tri-tuệ, thì gọi bờ bên kia, mất tri-tuệ, hóa ngu-si, cho nên gọi là bờ bên này. Nay người tu-hành, mà y theo tri-tuệ của kinh này, thì gọi là bờ bên kia ngay. Thế cho nên biết rằng bên kia với bên này không có xa gì, hễ khởi một mỗi nghĩ, tức là bờ bên này, mà đoạn sạch một mỗi nghĩ đi, thì toàn thân nguyên vẫn ở bên bờ kia rồi. Đến cùng cực (**đáo cực**) nghĩa là đã đi tới đến cảnh cõi của thánh hiền, đã leo lên tới cái bậc thang của Phật tử. Phương pháp tu lên, có phép tiệm (tu dần) phép đốn (tu tới ngay) phép tiêu (tu được quả nhỏ) phép đại (tu được quả lớn) phép thiên, (còn thiên chấp) phép viên (không thiên chấp) sai khác nhau. Nếu theo phép tiệm, Tiêu-thừa thiên-không và quyền thừa mà tu, thì đến chỗ chứng phải lần lượt qua các thứ lớp. Như bốn quả Thanh-vân, nhị-thừa duyên-giác, tam-hiền, thập-dịa, đến tam-giác Phật - thừa tới thượng-thừa, mới là đến cùng cực, cho nên kinh Kim-cương nói rằng : « hết thầy các hiền thánh, đều lấy phép vô vi mà tu chứng mà có chỗ khác nhau ». Kinh này thì không như thế. Nếu cứ y theo cái tâm chân-như tri-tuệ, hễ hay trừ sạch không

'một mỗi niệm nào sinh ra, thì muôn pháp đều yên lặng
 cứ đứng với cái lý vô-sinh, tức là tới chốn Phật-lò thánh
 nhân, ấy là phép đốn-giáo đại-thừa viên-thành thực-tuệ (1),
 cho nên kinh Lăng-nghiêm nói rằng : ' Truyền được vi-tế
 thức thành như-lai tàng-tính, thì chỉ trong một thời gian
 đã vượt lên trên bậc La-hán » ; kinh Lăng-già nói rằng :
 « Mỏi đến ngôi sợ-địa, mà đã chứng vào pháp-giới rồi » ;
 kinh Pháp-hoa nói : « Bỏ hẳn phép phương-tiện, chỉ nói đạo
 vô-thượng » ; lại nói rằng : « Tâm sinh hoan-hỷ lớn, tự
 biết sẽ là Phật » Hết thầy các thánh-quả, đến Phật là cùng
 cực. Kinh này là phép đốn-giáo đại-thừa, một bước vượt
 lên ngay, không phải lần lượt trải qua các thứ lớp mà tới
 được cái quả viên-mãn cứu-cánh niết-bàn tốt phẩm, cho
 nên gọi là bát-nhã ba-la-mật-đa **Tâm kinh** là chỉ ngay
 vào tới tự-tâm, đủ cả các phép mầu nhiệm tám chữ trên.
 Nói tâm tức là kinh, nói kinh tức là tâm, tâm tức là cái
 tính mầu nhiệm của sáu căn người ta nó lặng trong bóng
 xuất, lặng yên mà thường chiếu tỏ, chiếu tỏ mà thường
 lặng yên, trón sáng tỏ khắp hết cả hằng-sa thế-giới. Hết
 cả được tới canh không còn vọng sinh một mỗi niệm, tức
 thì thấy ngay cái linh-quang của cái tâm chân-như trí-tuệ
 nó hiện ra. Bởi vì cứ hiểu rõ được cái lý không sinh
 không diệt, hằng thường lặng trong, xuất từ cổ kim,
 bao la ngang giọc, vững bền thường trụ, không biến
 không đổi, thế cho nên gọi là Tâm-kinh. Lại, kinh nghĩa
 là trải qua, trải qua từ xưa tới nay mà vẫn thường còn,
 cho nên nói rằng : « Kinh là cái phép thường muôn đời
 không thay đổi được ». Lại, chữ kinh, nguyên tiếng Phạm
 là Tu-đa-la. Tàu dịch là khế-kinh. Khế nghĩa là đúng lý,
 nghĩa là các văn-tự chương câu trong kinh này, nhất nhất
 đều đúng với chân-như chí-lý, cho nên gọi là khế-kinh ; Lại,
 chữ kinh nghĩa là đường-tắt, là con đường tắt đi mau tới
 niết-bàn ; Lại, chữ kinh, là cái phép thành hiền cùng nơi đó
 mà tới nơi quý báu vô-thượng chính-dưỡng chính-giác vậy.

(1) Phép tu đến ngay chỗ viên-thành được cái trí-tuệ
 thành thật của đại-thừa.

Cô con gái Phật hái dâu
(TRUYỆN BÀ Ý-LAN, PHẬT HÓA
LỊCH - SỬ TIÊU THUYẾT)

(liếp theo)

Bọn Tí Nam ấy vừa đi vừa nhai giầu bồm-bồm, nói nói cười cười khúc-kha khúc-khích thấy cái gì cũng xem, động nói là cười, chúng vào chùa vái Phật vội-vàng rồi kéo nhau đi lũng-lộn khắp chỗ làm trò vui, đến dâu cũng trông ngơ trông ngác, ròm-rành khắp cả rồi lai vói vàng ra ngay. Thì ra chúng còn cần phải đi tìm cho thấy có Cám yêu quý của chúng để chúng đãi có những miếng giầu ngon lành và hỏi có những điều lạ mắt trong hội mà chúng không hiểu. Nhưng có Cám đứng xem ở chỗ nào mà chúng hết sức tìm không thấy. Cái Tí Nam bảo chị em nó rằng :

— « Không có lẽ nào bà cụ lại dám trái mệnh vua quan mà không cho có Cám đi xem hội, hay là cô bị đau yếu gì ».

Hàm hội kéo dài đã 2 ngày, đến ngày thứ 3 là mồng một tháng 2, là ngày vua về lễ Phật, Nhưng nhân-dân không biết vua sẽ về vào giờ nào, người thi đôn rằng sẽ chiều vua mới về và Ngài sẽ ở lại nhà tạm cả đêm để lễ Phật, người thi nói vua về từ sáng sớm. Vì thế từ sáng sớm ngày hôm nay, con đường cái quan từ bến Bồ-đề sông Cái cho tới cửa chùa, người ta kéo nhau đông như nước chảy để đón mừng long-nhan. Có người thóc mạch biết rằng có mấy vị quan to kia đoán ý trong sắc-chỉ cho rằng Thiên-tử cho nhân-dân được gần long-giá là Ngài muốn kén cung-phi nữa kia đấy. Nên các vị nào có tiền-thư đến thời là bỏ mẹ hết sức châu dôi cho con gái, nào phấn son, nào gấm vóc, nào vàng ngọc trang sức cho rõ ra như những nàng

tiên xuống trần. Rồi tìm chiếm lấy chỗ bên đường hẹp, bố mẹ mặc triều-phục đứng với con cái, chờ loan-giá đến thì bố xưng « tung-hô » rõ to lên trước con cái xưng sau để Hoàng-đế chú ý Quả nhiên tin đồn sau đầu giờ mǎo, loan-giá đã ở thuyền rồng lên bến Bồ-đề, rồi từ-từ theo đường thẳng đi xuống Thờ-lôi. Tiếng chúc « Thánh-cung vạn-tuế » hai bên đường mà khi đoàn loan-giá đến, nhân-dân xưng lên vang động một bầu giờ.

Đoàn loan-giá đi rất giản-dị. Trước tiên là cái long-đỉnh đeo đồ-lễ : Trầm-hương, nển bạch lạp, hương hoa, quả-phẩm rồi đến mấy viên quan đội hồ-bôn cuối ngựa cầm cờ lệnh, đến mấy viên Cầm Y thị-vệ, vài viên Nội-giám, đến loan-dư Hoàng-đế, loan-dư Dương hoàng hậu, loan dư Đổng-thiên công-chúa, đến võng các cung phi, đến đoàn ngựa Hoàng-thân và các quan đại-thần văn-võ trong triều với loang-thoảng mấy cái đồ nghi-vệ mấy cái đồ nhạc khi êm riu cùng đi kèm hai bên.

Mấy cái loan-dư từ của Hoàng-đế đến của công-chúa đều thác cả mảnh-mảnh lên cho thần-dân xem mặt. Muốn mắt thần-dân ai cũng được trông thấy rõ-ràng Thánh-tông Hoàng-đế tuổi độ ngoài 40 tướng mặt trùng-táo, da đỏ-hồng, râu đen và dài, mắt sáng quắc. Với cái miệng tươi-linh Ngài mỉm cười luôn và gât đầu luôn để nhận những tiếng « tung-hô », những cái vái thành kính của nhân-dân. Ngài tỏ ý lấy làm rất vinh-quang hơn các vua đời xưa là Ngài tự-tín rằng Ngài có công-nghiệp và thành-thực đối với dân đã lâu thì tất dân sẽ mến yêu Ngài như cha mẹ nên Ngài mới dám cho dân lại thân gần như thế. Nhất là Ngài chú-ý đến bọn bình-dân, Ngài để mắt đến họ luôn luôn, còn những vị quan đứng với bọn tiểu-thư lộng-lẫy kia thì Ngài lại coi thường trông thoáng qua mà thôi. Chả thế mà làm lúc

bọn dân quê chen nhau vào xem Ngài, làm số cả loan-dư Ngài đi Ngài lại càng tìm-tìm cười ra vẻ sung-xướng. Mắt Ngài liếc qua nhân-dân hai bên đường rồi lại trông ra hai bên cánh đồng xem lúa xanh đậm tốt và tuyệt không thấy một bóng người làm đồng. Ngài vừa vui vẻ nghiệp nông-tang của nước thịnh-vượng, vừa vui vẻ nhân-dân thanh-tâm tán-thành cuộc hội chùa này của Ngài. Đến độ cuối giờ tỵ, loan-dư vừa tới địa-dầu làng Thổ-lỗi, trên loan-dư Ngài liếc trông ra chỗ mấy ruộng dâu xa xa bỗng thấy một cái bóng người gọn-ghe nhỏ-nhỏ đang hí-húi hái dâu một cách mái-miết tay vật những lá dâu phăn-phất rất nhanh và tự-nhiên như không hề ý gì đến chỗ đám rước vua.

Lấy làm ngạc-nhiên, Ngài liền truyền dừng loan-giá lại và sai một viên quan Hồ-bôn rẽ ngựa đi với một viên Trương-tuần sở-tại ra bắt cái đứa đang hái dâu kia lên Ngài hỏi.

« Bất tuân quán mệnh » tội chết có thừa, không biết nhà nào bạo ngược, dám bắt người nhà đi làm như thế. Các quan bản-hạt lo sợ tái mét cả mặt đi như gà bị cắt tiết vì sợ bị tội không chằm biểu-dụ cho dân. Đến cả mọi người xem hội cũng đều sợ thay, rùng cả mình.

Quan Hồ-bôn và Trương-tuần rẽ xuống bờ ruộng đi rồi, Vua mới cho loan-dư đi. Một lát đoàn loan-dư Hoàng-đế vừa đến cổng-chùa của nhà tạm hành-cung thì quan Hồ-bôn, viên Trương-tuần sở tại cũng vừa giải tên phạm nhân tới. Những người ở làng lồng sở-tại đây đứng xem rước vua trông ra thì ngỡ là ai, té ra chị Cám con gái bà Lê làng Thổ-lỗi, người ta ai cũng ái-ngại cho chị ấy bị người đi ghê cay nghiệt, để cho chị đã không được đi xem hội lại bị tội, cái tội trái mệnh vua có phải

chơi. Lại còn các quan bản hạt, các hương-chức cũng bị liên-lụy nữa kia.

Song cô Cám thì cô ta vẫn thản-nhiên không lộ sự lo sợ ra ngoài mặt, cứ thong-dong theo gót 2 viên quan, rẽ vào trong đám đông người mà đi, đi không chú không bị trói-trắng gì.

Mấy cậu học-trò trong làng đi lúng có Cám đã ba hôm nay, bây giờ mới được thấy mặt cô thì ôi thôi cái người mỹ-nhân của các cậu vẫn cùng nhau tôn kính chung kia lại đang bị ở trong vòng luy-tiết. Một cậu, không biết có văn-tài và can-đảm thực hay là nói toán, đề khoe-khoang, cậu bèn bảo các cậu kia rằng :

— « Hễ cái Cám mà nó bị tội, tao quyết dâng biểu trần-tình kêu cho, chứ thế nào tao cũng không để cho đóa hoa sắc nước hương gởi ấy bị hàm oan ».

Còn bọn con Ti-Nam nghe tin cô Cám bị vua bắt vì tội bất tuân vương-mệnh mà người ta giáng nghĩa chúng nó là tội chẳng tuân mệnh vua, thì chúng nó sợ hãi hết nữu hết vía, thương hại cho cái cô yêu qui, cô con gái Phật, tran-trừa lòng từ hăng au-úi cho cái đời sống hiu-quạnh khổ cùng của chúng nó. Chúng nó cố lách vào đám đông để trông cho thấy mặt cô Cám mà chúng nó khao-khát đi tìm kiếm đã ba hôm nay.

Khi cố sức lên vào đến nơi, thấy cô Cám của chúng nó đang bị quan giải đi, chúng không dám gọi, chỉ đều ràn-rụa nước mắt nhưng lại sợ người ta hỏi là vì có gì mà khóc nên chúng nó lại cứ phải lấy vạt-áo lau nước mắt giả cách là lau mồ-hôi.

Nhưng cũng có người hiểu lẽ người ta nói cổ tội thì tội ở kẻ gia-chủ kia, nhưng bọn cái Ti-Nam cũng vẫn không khỏi lo sợ.

(còn nữa)

Nguyễn-trọng-Thuật

Lời dao cần-cấp của Đuốc-Tuệ

Bản báo rất lấy làm cảm-tạ, Chư-vị thiện tri thức, bạn đồng nghiệp yêu quý của bản báo, đã giàu lòng vì đạo mà mua dài hạn cho. Bản báo chúng tôi biết rằng trong các ngài đồng nghiệp nào đã mua Đuốc-Tuệ không phải là ngẫu hứng một lát mà mua chơi. tất là vì Phật-đạo mà mua mà đợc, bởi Đuốc-Tuệ là tờ báo về đạo Phật. Một tờ báo cầu phải có để chấn-hưng đạo Phật ở xứ ta giữa cái thời thế cần phải chấn-hưng này, nếu không có lòng vì Phật vì đạo, sao các ngài có ngó đến tờ báo Phật-đạo, Song chỉ vì số tiền mua năm Đuốc-Tuệ giá rất ít-ỏi, nên nhiều ngài dễ quên mà số tiền gửi về rất trạm, Có ngài để lưu số tiền đến một hai ba năm nay cũng chưa gửi về cho. Nhưng dù thế mặc lòng, Bản-báo vẫn kính trọng cái lòng vì Phật vì đạo của các ngài, vẫn tiếp tục gửi báo không gián đoạn một kỳ nào, nhất như có nhiều ngài ở xa về Trung-kỳ, Nam-kỳ chẳng hạn.

Nay ngài vì giá giấy ngày một lên cao mà mua lại khó, ấy là những số nhân-cống tăng, làm việc ít giờ, thêm nhiều sự tổn phí chưa kể. Bản-báo là một cơ-quan đạo-đức, vốn thanh-bần, tư-bản nào được là mấy, thế mà chúng tôi cũng cố công cố sức duy trì cho tờ Đuốc-Tuệ, cái mạch nước Phật-giáo xứ này, được lưu-thông như thường, sự ấy không phải là dễ. Chắc các ngài thiện tri thức cũng đã rõ cả.

Các ngài há chẳng thấy hiện nay trong xứ ta có nhiều tờ báo chỉ vì giấy mua khó khăn mà phải đình bản, Lại mấy tờ báo cơ-quan đạo Phật khác cũng bị đình đốn hồi này, phần nhiều cũng chỉ do kinh-tế khó-khăn tiền mua báo gửi giả trạm đó dư ?

Vậy xin ngài còn khiếm tiền báo Đuốc-Tuệ từ một năm, hai ba năm. xin kịp gửi về cho, Các ngài gửi tiền báo về cho sớm ngày nào, ấy là Các ngài thực-hành một việc công đức giúp cho đạo Phật xứ ta vậy.

Đuốc-Tuệ

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Lễ cầu toàn-thắng và siêu-độ trận vong tướng-sĩ của chi hội Phật-giáo Bắc-ninh

Nhân ngày 2 Novembre tức là ngày 21 tháng chạp năm Kỷ-mão ta, là ngày « lễ các-thánh » bên Gia-giáo, các công-chức được nghỉ, chi hội Phật-giáo Bắc-ninh làm lễ siêu-độ linh-hồn cho trận vong tướng-sĩ, và cầu cho thế giới hòa-bình toàn-thắng. Đại-pháp hưng-long. Lễ thiết tại chùa Đại-thành hội-quán chi hội Phật-giáo Bắc-ninh. Trước tam-bảo trông ra nhà giảng-đường, đặt một cái án bọc lá xanh giả làm cái mồ để y chỉ linh-hồn tướng-sĩ. Trên đặt 2 cái nến và một đỉnh trầm, khói lên phơ-phất, không u-ám mà ngát thơm. Quan khách đến chứng lễ do hội thỉnh, các quan binh trong đồn từ Đại-trung thiếu tướng Ủy, quan Công-sứ, quan Tổng-đốc và nhiều yếu nhân thân-hào ngồi trước giảng đường trông vào Tam-bảo và ngồi rất trang-nghiêm, thành kính. Trong Phật-điện chừ lẳng lên khóa lễ xong, ông Tham Đại đọc bài văn-từ bằng Pháp-văn rất thiết tha. Đoạn có tọa đều ngồi im tâm-niệm một khắc để tỏ lòng kính viếng trận-vong tướng sĩ, Trong Phật-điện khói hương, ánh đèn cùng những sắc vàng son tượng-pháp lóng-lánh những sắc trắng phan cầm tú rặc rỡ, ngoài giảng đường cái mồ giả lá xanh tỏ vẻ âm trầm được quy y cửa Phật rồi đến các quan tướng-tá võ-phúc hùng-dũng, hương-tương sán lạn, các bà đầm các Nam quan Chính-tề kính cẩn, chiêm-ngưỡng Phật tiền, thực là một lễ đầy vẻ bề thế giữa đời văn-minh sát-phạt, ai xem cũng phải cảm động.



Ba đạo nghị định về thuốc bắc, thuốc nam ở Đông-dương

(nổi kỳ trước, đạo thứ nhất)

Khoản thứ 8. — Cấm các ông lang hay các người bán thuốc bắc thuốc nam không được khoa-trương với công-chúng bằng cách viết chữ, in ảnh, truyền-đơn hay phổ diễn bằng một cách công-nhiên hay bằng một cách khác có vẽ tre mã, vẽ cách dùng các vị thuốc mà họ chỉ ra hay loan-báo trước sẽ chữa khỏi tật mà chính-thực lối quảng-cáo ấy là cách lừa dối công-chúng hay là những vị thuốc có thể hại cho sức khỏe. Cấm các ông lang chữa các người ốm ngoài cách trực tiếp xem mạch do ông lang tự mình đến xem bệnh-tình người ốm.

Các cách chữa bệnh bằng lối gửi thư truyền đơn hay quảng-cáo đều bị cấm hết.

Khoản thứ 9. — Việc phạm vào đạo nghị định này sẽ do vị dược-sĩ đứng đầu đoàn-thể dược-sĩ ở Đông-dương và do các vị Thanh-tra bào chế làm việc ở trong các xứ tại Đông-dương theo như các điều kiện của nghị định ngày 19 Octobre 1939 xét nhận. Mà việc xét nhận này hoặc do ý riêng của các vị ấy, hoặc do các nhà cầm quyền cai-trị, tư-pháp hay ngạch y-lễ ra lệnh.

Khoản thứ 10. — Phạm vào các khoản trong đạo nghị định này sẽ bị phạt 15 quan. Nếu tái phạm sẽ bị phạt tù từ 1 đến 5 ngày.

(Đạo nghị định 2. kỳ sau sẽ tiếp)

TIN THẾ GIỚI

CUỘC ÂU-CHÂU ĐẠI CHIẾN

Mặt trận phía tây quân Pháp và quân Đức đánh nhau

Tin Paris 19-11-Havas -- Quân Đức lại hoạt động ở mặt trận phía tây. Các đội quân tuần-liễu của

Đức tiến vào các mặt đê giao-chiến với quân Pháp đại khái là : Phía đông sông Moselle, Miền Nied con sông chảy từ Pháp sang Đức, phía nam Sarrebruk, Vùng Blies, một Alsace, nhưng đều bị quân Pháp đánh lui.

Mặt hải-chiến

Tin Londre 19-11-Avril-Thủy-lôi phục của Đức lại đánh đắm 3 chiếc tàu của ba nước tại duyên hải mé đông của Anh Chiếc Berjesson của Thụy-sĩ, chiếc Blachiel của Anh và chiếc Grazia của Ý. — Lại chiếc tàu Simon Bolivar của Hà-lan bị một quả thủy-lôi phục ở miền bờ của Anh đánh đắm, trong có quá 100 người chết, nay các nhà chuyên-môn xét và đoán chắc là quả thủy-lôi phục của tàu ngầm Đức thả vào, chứ không phải của Anh vì miền bờ ấy đường của tàu Anh thường qua lại.

CUỘC TRUNG-NHẬT CHIẾN TRANH

Mặt trận phía nam nước Tàu hồi nay

Tin Đông-kinh ngày 15-11 của Anh — Các bộ Tư-lệnh Nhật công-bố quân Nhật có các tàu chiến ủng-bộ, sáng ngày 15 đã đổ bộ ở gần Bắc-hải.

Còn tin Trùng-khánh của Tàu thì nói quân Nhật có máy bay ném bom ủng-hộ đã định đổ-bộ ở Bắc-hải gần biên giới Đông-dương, Quảng-dông, Quảng-tây, nhưng không nói đã đổ bộ chưa ?

Ngày 19, tin Đông-kinh của Nhật nói quân Nhật lại kéo vào sau trong miền Quảng-tây 20 cây số. Nhưng bên quân Tàu thì lại cho phi cơ đánh ở miền gần Quảng-châu.

Khóa lễ xám nguyện đóng thường	0\$20
đóng kỹ	0.50
Sự tích Nam hải Quán âm	0 08
Đại bi tâm sám	0.10
Tu tại gia	0.03
Buồm từ thuận gió	0.03
Tặng huân nhật ký	0.05
Hoàn cầu khảo cứu Phật-giáo	0.25
Phật giáo Đại cương	0.25
Kinh Hiểu tử	0.06
Kinh thất hiền nữ	0.06

Các kinh này đều có chữ Nho và Quốc-ngữ đối chiếu.
 Ở xa xin gửi thêm tiền cước, như các kinh to mà
 muốn gửi bảo đảm cho chắc chắn, thì gửi thêm mỗi
 quyển 0.30 cước.

Thư và mandat xin gửi cho M. NGUYỄN-HỮU KHA
 N° 73, Rue Richard Hanoi.

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỔ

M Nguyễn Văn Tú, ở 190 ter Phố Armand Rousseau
 Hanoi, viên tịch ngày 12-11-39

M. Đặng đình Trịch tức ngồn, ở 125, Bd République
 Hadong viên tịch ngày 9-11-1939.

Cụ Lê thị Cả, làng Trương mai, huyện Thanh trì
 Hadong, viên tịch ngày 22-11-1939.

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng Mandat)

Sư Cụ chùa Hậu-hồ, Phú thọ	1\$50
Sư Cụ chùa An-lệnh, Thái bình	2.00
Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, Chợ lớn	1.50
M. M. Chơn minh Phật hội Chợ lớn	4.00
Lê đình Hòa, Vĩnh-long	2.00
Lã văn Luyện, Ninh bình	1.50
Lưu văn Thành, Hà tiên	1.80
Phan sở. Tourane	1.50
Nguyễn trong Huê. Tourane	1.50

M. Hoàng Cát, Quảng Ngãi, mandat 1\$50 của ngài đã tiếp được và đã đăng trong mục Hộp thư số 104.

M. Nguyễn trọng Huê, Tourane — Ngài mua từ ngày 10-12-35 tính đến ngày 15-12-39 là 5.00, trả lần trước 1.00 ; lần này 1.50. — Còn

M. Phan Sở Tourane. — Ngài mua từ ngày 10-12-35 tính đến ngày 15-12-39 là 5.00, ngài đã trả lần trước 1.00 ; lần này 1.50. — Còn thiếu 2.50.

M. Nguyễn quang Hân dit Ngọc Liên Cao lãnh Sadec. — Ngài mua từ ngày 10-12-35 đến ngày 15-12-39 là 5.00. Nay ngài trả được 2.00. — Còn thiếu 3.00

M. Võ văn Đông Bến tre — Ngài mua từ ngày 23-6-36 đến ngày 15-12-39 là 4.46, nay ngài trả được 4.00. — Còn thiếu 0.46

Bản báo rất lấy làm cảm ơn các vị độc-giả đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ

Còn vị nào chưa trả xin trả nốt cho. Đ. T.

CÙNG M. HOÀNG-CÁT

Về mục Khóa-hư bài 教 白 nó ở quyền 卅, nhà in đặt nhầm vào bài — 卅, nay đã in bài — 卅 để sau thay vào bài khái-bạch rồi, thế là đúng. Đ. T.